

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 12 – 2022

V/v “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thuỳ L, sinh năm: 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1968.

(có mặt)

Địa chỉ: Ấp XL, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trương Thuỳ L trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau vào năm 1991, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống bà và ông P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà không bằng lòng với những việc ông P làm. Bà và ông P đã ly thân và không còn sống chung nhà từ năm 2010 cho đến nay. Không thể dung hoà và hàn gắn được mối quan hệ với ông P. Nay bà xin ly hôn ông P.

- Con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Duy S, sinh ngày 21/11/1992, đã trưởng thành nên bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: Một căn nhà kiên cố được xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ruột bà toạ lạc tại ấp XL, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Bà và ông P tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà và ông P không có nợ chung.

Ông Nguyễn Thanh P trình bày và xác định quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trương Thuỳ L chung sống với nhau từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, ông và bà L không có mâu thuẫn gì. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu bà L không tham gia mạng xã hội, không giao lưu với người khác giới.

- Con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Duy S, sinh ngày 21/11/1992, đã trưởng thành, có sự nghiệp riêng nên ông không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: Một căn nhà kiên cố được xây dựng trên đất thuộc quyền sử dụng của cha mẹ ruột bà Trương Thuỳ L toạ lạc tại ấp XL, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Ông và bà L tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Nợ chung: Ông và bà L không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Trương Thuỳ L và ông Nguyễn Thanh P chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà L xin ly hôn. Do đó tranh chấp giữa bà L và ông P được xác định là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ông P cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải. Ông P đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà ông P vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P là đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thuỳ L và ông Nguyễn Thanh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Nay bà L xin ly hôn, ông P không đồng ý ly hôn. Xét thấy bà L và ông P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng bà L và ông P không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó quan hệ hôn nhân của bà L và ông P không có giá trị pháp lý, không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Bà L và ông P xác định ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Duy S, sinh ngày 21/11/1992, đã trưởng thành, có sự nghiệp riêng. Ông, bà không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông P xác định ông, bà tự thoả thuận. Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông P xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thuỳ L và ông Nguyễn Thanh P.

2 - Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trương Thuỳ L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/10/2022, L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0002181) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thuỳ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân